

Deloitte.

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NÀ
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

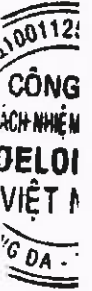
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016





MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 24



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch
Ông Lê Xuân Tùng	Ủy viên
Ông Trịnh Bảo Ngọc	Ủy viên
Ông Lê Thanh Nghị	Ủy viên
Ông Hoàng Xuân Thành	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trịnh Bảo Ngọc	Giám đốc
Ông Trần Văn Biên	Phó Giám đốc
Ông Hoàng Xuân Thành	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2016)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính

Thay mặt và Đại diện cho Ban Giám đốc,


Trịnh Bảo Ngọc
Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2017

Số: 480 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 02 tháng 3 năm 2017, từ trang 04 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Các vấn đề cần nhấn mạnh

- Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền khoảng 198,7 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: khoảng 415,9 tỷ VND), kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 lỗ khoảng 51,9 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 lỗ khoảng 118,6 tỷ VND). Các dấu hiệu này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Các kế hoạch của Ban Giám đốc liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 20 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, theo Công văn số 10084/BTC-CKT ngày 28 tháng 8 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc trả lời Chế độ kế toán, Công ty đã ghi nhận số lãi tiền gửi phát sinh từ nguồn vốn góp của cổ đông tạm thời nhận rồi trong thời gian đầu tư xây dựng công trình Nhà máy Thủy điện Hòa Na tại khoản mục "Vốn khác của chủ sở hữu" trên Bảng cân đối kế toán với số tiền là 64.985.781.295 VND.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

Vấn đề khác

- Công việc kiểm toán nhằm đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 căn cứ vào các hồ sơ, tài liệu do Công ty cung cấp và theo các thủ tục kiểm toán báo cáo tài chính thông thường, không nhằm đưa ra ý kiến về giá trị quyết toán vốn đầu tư công trình xây dựng hoàn thành. Công việc này chỉ được thực hiện khi tiến hành các thủ tục kiểm toán đặc thù áp dụng riêng cho việc quyết toán vốn đầu tư công trình xây dựng hoàn thành.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 02 tháng 3 năm 2017
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đỗ Trung Kiên
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1924-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		196.987.472.917	461.610.936.231
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	119.698.140.125	33.677.214.641
1. Tiền	111		63.661.473.458	33.677.214.641
2. Các khoản tương đương tiền	112		56.036.666.667	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	10.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		63.672.638.287	418.956.902.860
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	51.891.266.519	43.798.402.822
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	7.712.944.732	9.435.608.913
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	4.068.427.036	365.722.891.125
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.616.694.505	8.976.818.730
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	3.616.694.505	2.484.660.034
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	6.471.107.212
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	-	21.051.484
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.775.477.532.510	4.947.571.787.557
I. Tài sản cố định	220		4.665.044.859.155	4.624.761.966.106
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	4.665.044.859.155	4.624.761.966.106
- Nguyên giá	222		5.662.002.254.042	5.356.434.713.651
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(996.957.394.887)	(731.672.747.545)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		104.133.756.288	322.809.821.451
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	104.133.756.288	322.809.821.451
III. Tài sản dài hạn khác	260		6.298.917.067	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	2.186.184.877	-
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	13	4.112.732.190	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		4.972.465.005.427	5.409.182.723.788

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.736.309.189.712	3.121.158.452.102
I. Nợ ngắn hạn	310		395.732.312.942	877.495.289.621
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	152.297.708.234	467.670.669.599
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	7.443.340.553	3.286.594.234
3. Phải trả người lao động	314		2.890.958.130	4.015.844.331
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	19.867.307.269	15.026.157.186
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	11.391.558.943	1.469.302.516
6. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	320	18	201.751.058.395	385.826.340.337
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		90.381.418	200.381.418
II. Nợ dài hạn	330		2.340.576.876.770	2.243.663.162.481
1. Phải trả dài hạn khác	337		258.024.600	26.004.600
2. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	338	19	2.340.318.852.170	2.243.637.157.881
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.236.155.815.715	2.288.024.271.686
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	2.236.155.815.715	2.288.024.271.686
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.256.592.103.444	2.256.592.103.444
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.256.592.103.444	2.256.592.103.444
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		64.985.781.295	64.985.781.295
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.792.700.882	5.792.700.882
4. (Lỗ) lũy kế	421		(91.214.769.906)	(39.346.313.935)
- (Lỗ) lũy kế/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(39.346.313.935)	79.207.143.951
- (Lỗ) năm nay	421b		(51.868.455.971)	(118.553.457.886)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		4.972.465.005.427	5.409.182.723.788




 Võ Trung Chính
Kế toán trưởng


 Trần Thị Thu Hà
Người lập biểu

Ngày 02 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	519.245.699.230	455.932.721.683
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		519.245.699.230	455.932.721.683
3. Giá vốn hàng bán	11	22	308.261.698.907	302.341.608.349
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		210.984.000.323	153.591.113.334
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	1.149.768.134	822.572.094
6. Chi phí tài chính	22		246.488.594.382	258.351.734.260
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		246.488.594.382	258.351.734.260
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	25	18.315.293.162	16.228.478.243
8. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		(52.670.119.087)	(120.166.527.075)
9. Thu nhập khác	31	26	2.326.920.422	1.613.069.189
10. Chi phí khác	32		724.066.141	-
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.602.854.281	1.613.069.189
12. (Lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(51.067.264.806)	(118.553.457.886)
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	801.191.165	-
14. (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(51.868.455.971)	(118.553.457.886)
15. (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	28	(230)	(569)



Trịnh Bảo Ngọc
 Giám đốc

Võ Trung Chính
 Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hà
 Người lập biểu

Ngày 02 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ) trước thuế	01	(51.067.264.806)	(118.553.457.886)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	265.284.647.342	260.401.143.438
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1.149.768.134)	(822.572.094)
- Chi phí lãi vay	06	246.488.594.382	258.351.734.260
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	459.556.208.784	399.376.847.718
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	361.546.153.986	28.097.949.796
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	105.387.233.803	23.062.630.067
- Tăng, giảm chi phí trả trước và tài sản dài hạn khác	12	(7.430.951.538)	(2.484.660.034)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(240.983.641.166)	(258.652.288.822)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(652.751.510)	(43.358.227)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(110.000.000)	(772.818.182)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	677.312.252.359	188.584.302.316
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(495.277.776.639)	(238.204.290.913)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.000.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	5.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.380.037.417	1.184.848.555
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(503.897.739.222)	(232.019.442.358)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của cổ đông	31	-	96.588.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	429.506.502.602	221.634.082.688
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(516.900.090.255)	(342.679.742.351)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(87.393.587.653)	(24.457.659.663)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	86.020.925.484	(67.892.799.705)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	33.677.214.641	101.570.014.346
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	119.698.140.125	33.677.214.641



Trần Bảo Ngọc
 Giám đốc

Võ Trung Chính
 Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hà
 Người lập biểu

Ngày 02 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900797430 ngày 16 tháng 5 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 116 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 115).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Cho thuê văn phòng;
- Đầu tư xây dựng nhà ở văn phòng;
- Khai thác quặng sắt;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Mua bán máy móc, vật tư thiết bị phục vụ ngành điện;
- Bán buôn tổng hợp;
- Đầu tư xây dựng công trình thủy điện;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kinh doanh khách sạn;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch.

Hoạt động chính của Công ty là quản lý và vận hành Nhà máy Thủy điện Hủa Na.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Khả năng tiếp tục hoạt động

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền khoảng 198,7 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: khoảng 415,9 tỷ VND), trong đó Công ty có các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn đến hạn trả khoảng 201,7 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: khoảng 385,8 tỷ VND), kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 lỗ khoảng 51,9 tỷ VND (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015: khoảng 118,6 tỷ VND). Để đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của Công ty, Ban Giám đốc Công ty tiếp tục thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ, xây dựng hợp lý kế hoạch kinh doanh, phương án sử dụng nguồn lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và nguồn khấu hao tài sản cố định hàng năm để thanh toán các khoản nợ. Bên cạnh đó, Ban Giám đốc tin tưởng rằng dòng tiền các năm sau sẽ khả quan hơn để đảm bảo cho khả năng thanh toán của Công ty. Theo đó, Ban Giám đốc đánh giá rằng báo cáo tài chính này được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục là phù hợp. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm những điều chỉnh có thể có do ảnh hưởng của vấn đề không chắc chắn nêu trên.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.